

Bản án số: 19/2022/HSST  
Ngày: 16/3/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Thanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thành Đô;

Ông Lê Thị Thận.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:***  
Ông Dương Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 05/2022/ HSST ngày 19 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo.

Trần Văn D, sinh năm: 1995, tại tỉnh B

Nơi cư trú: Thôn S, xã Pn, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày xx/8/2021, cho đến nay, (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 57 phút ngày 29/7/2021, Trần Văn D dùng số thuê bao 0964.317.241 gọi di động đến số thuê bao 0832.320.XXX cho Đỗ Phúc H hỏi mua ma túy để sử dụng, H đồng ý bán. D liền mượn xe mô tô biển số 93F6 - 02XX của ông Trần Văn Q (cha ruột D) điều khiển đến gặp H tại nhà bà Nguyễn Thị N thuộc khu vực Thôn S, xã Pn, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tại đây, H đưa cho D 01 gói nylon được hàn kín bên trong có chứa chất ma túy, D đưa cho H 400.000 đồng, còn nợ lại 100.000 đồng. D cầm ma túy cho vào túi quần bên trái, rồi điều khiển xe đi về nhà được khoảng 700m, thì bị Công an xã Phú Sơn kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ, niêm phong tang vật (ký hiệu M có chữ ký của D), 01 điện thoại di động và 01

xe mô tô chuyển giao cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số: 222/2021/GĐ-MT ngày 05/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Tinh thể màu trắng có trong 01 gói nylon (Ký hiệu M có chữ ký của D) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 0,2816 gam.

- Về vật chứng vụ án:

+ Xe mô tô biển số 93F6 – 02XX, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã trả lại chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị T.

+ Số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước và 01 điện thoại di động. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ việc truy tố, xét xử.

Tại Cáo trạng số 07/CT – VKS ngày 19 tháng 01 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Trần Văn D về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn D, phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về hình phạt, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 15 đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Trần Văn D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 29/7/2021, Trần Văn D mua 0,2816 gam ma túy, loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng của Đỗ Phúc H tại khu vực Thôn S, xã Pn, huyện B, tỉnh Bình Phước mang về để sử dụng. Trên đường mang ma túy đi về nhà thì D bị Công an xã Phú Sơn kiểm tra bắt quả tang người cùng tang vật.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Trần Văn D đã phạm vào Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

#### **Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy**

“1. Người nào tàng trữ chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a) .....

c) Hêrôin, ..., có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, do lối sống buông thả, dẫn đến nghiện ma túy nên mặc dù nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề

hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, do bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, nên được miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

+ Xe mô tô biển số 93F6 – 02XX, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Bù Đăng đã trả lại chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị T là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cần tịch thu tiêu hủy Số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước

Cần tịch thu, hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động OPPO A15 màu bạc.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đối với Đỗ Phúc H là người bán ma túy cho D, quá trình điều tra H không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, chỉ có lời khai của D, không có tài liệu, chứng cứ khác. Cơ quan điều tra có Công văn số 524 ngày 24/11/2021 yêu cầu Công ty Viễn thông Viettel, VNPT cung cấp chủ sở hữu các số thuê bao 0964.317.241, 0832.320379, nhưng không có kết quả, nên Cơ quan điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

- Đối với ông Trần Văn Quý cho D mượn xe mô tô biển số 93F6 – 02XX không biết D dùng để đi mua ma túy, ông Quý mua lại xe mô tô biển số 93F6 – 02XX của một người không rõ nhân thân, lý lịch và không biết là tài sản trộm cắp của bà Nguyễn Thị Thúy, không có căn cứ xử lý, nên Cơ quan điều tra không đề nghị, do đó Viện kiểm sát không đề cập.

- Đối với bà Nguyễn Thị N không biết, không giúp sức hay xúi giục Đỗ Phúc H bán ma túy cho D tại nhà của mình, không có căn cứ xử lý, nên Cơ quan điều tra không đề nghị, do đó Viện kiểm sát không đề cập.

Quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về áp dụng pháp luật và hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 01 năm, 03 tháng tù (một năm, ba tháng tù), thời hạn tù tính từ ngày 19/8/2021.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy Số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước

Tuyên tịch thu, hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động OPPO A15 màu bạc.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng số 0009898 ngày 29/12/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng và Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Khắc Thanh**